

Số: 159/QĐ-UBND

Sơn Trà, ngày 26 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản  
của nhóm cộng đồng thôn Trà Bao, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng  
(Thuộc Nguồn vốn Dự án 2 Chương trình Mục tiêu  
Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024)

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BCT ngày 01/7/2017 của Bộ Tài chính qui định về chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị Quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định một số nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương

*án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

*Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc ủy quyền phê duyệt dự án các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Bồng.*

*Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024.*

*Căn cứ Báo cáo số 117a/BC-TTĐ ngày 13/8/2024 của Tổ thẩm định dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo về kết quả thẩm định dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Trà Bao, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng;*

*Xét đề nghị của công chức Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Trà Bao, xã Sơn Trà (*Thuộc Nguồn vốn Dự án 2 Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024*), với các nội dung sau:

### **I. Mục tiêu Dự án:**

- Góp phần giải quyết việc làm tạo thu nhập cho 08 hộ dân trên địa bàn Thôn Trà Bao, xã Sơn Trà. Sau khi kết thúc dự án, các hộ nghèo, hộ cận nghèo có thu nhập ổn định và phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững.

- Nâng cao nhận thức, dần dần thay đổi tập quán chăn nuôi của người dân, phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, tăng số lượng tổng đàn trên địa bàn.

### **II. Thông tin chung về dự án:**

**1. Tên dự án:** Dự án chăn nuôi Bò cái nội sinh sản.

**2. Địa điểm thực hiện:** Thôn Trà Bao, xã Sơn Trà.

**3. Thời gian thực hiện:** 24 tháng, thời gian bắt đầu tháng 8/2024; kết thúc tháng 8/2026.

**4. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án:**

**4.1. Đơn vị quản lý (Chủ đầu tư):** Ủy ban nhân dân xã Sơn Trà.

**4.2. Đơn vị thực hiện:** Nhóm cộng đồng Thôn Trà Bao, được UBND xã Sơn Trà xác nhận tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 21/6/2024. Nhóm trưởng ông Hồ Văn Nghĩa.

**5. Đối tượng và số hộ tham gia dự án:** Tổng số hộ tham gia dự án 08 hộ (02 hộ nghèo, 05 cận nghèo, 01 hộ mới thoát nghèo), đối tượng đảm bảo theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 19/4/2023 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1, Nghị Định 38/2023/NĐ-CP.

*(cụ thể có danh sách kèm theo)*

**6. Quy mô thực hiện:**

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 24 con Bò (23 con bò cái nội, 01 con bò giống đực)

- Hỗ trợ 3.500 kg giống cỏ VA06 cho 08 hộ tham gia dự án.

**7. Phương thức hỗ trợ:** Hỗ trợ trực tiếp bằng con giống và giống cỏ cho các hộ tham gia dự án.

**8. Phương án mua sắm và đầu mối mua sắm con giống, giống cỏ nguồn từ ngân sách nhà nước:**

UBND xã Sơn Trà tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định của luật đấu thầu (*trường hợp 2, khoản 2, điều 3, Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính*) và bàn giao sản phẩm cho đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết.

**9. Tổng kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí:**

**9.1. Tổng kinh phí thực hiện dự án:** 500.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*), trong đó:

a. Vốn ngân sách: 460.00.000 đồng, chiếm tỷ lệ 92%/tổng kinh phí dự án.

b. Đối ứng của hộ tham gia dự án (bằng hiện vật quy ra tiền): 40.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 8%/tổng kinh phí dự án.

*(có dự toán chi tiết kèm theo)*

**9.2. Nguồn kinh phí thực hiện dự án:** Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2024.

**III. Các hoạt động chính của dự án:**

**1. Tập huấn theo nhu cầu cho các hộ tham gia dự án:** số lần tập huấn: 1 lần, số người tham gia 11 người. Nội dung và định mức chi theo Quy định tại Thông tư 40/TT-BTC và Nghị quyết 46/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

**2. Hỗ trợ giống, vật tư, nguyên vật liệu.**

**2.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ:**

a. Bò cái giống: Số lượng 24 con Bò (23 con bò cái nội, 01 con bò giống đực), tiêu chuẩn con giống phải đảm bảo theo quy định tại Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh, cụ thể theo đề xuất của cộng đồng: Trọng lượng con bò cái nội giống hỗ trợ  $\geq 165$  kg/con và bò cái đực giống là 310kg/con, bò khỏe mạnh, không dị tật, dị hình, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, đủ tiêu chuẩn làm giống.

b. Giống cỏ VA 06: Số lượng hỗ trợ 350 kg/hộ, cỏ phải đảm bảo tiêu chuẩn không bị dập nát, có lá bẹ khô theo thân, đủ tiêu chuẩn làm giống.

**2.2. Phần đối ứng của hộ tham gia dự án:**

UBND xã Sơn Trà, nhóm trưởng nhóm cộng đồng, cán bộ phụ trách theo dõi dự án chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xây dựng chuồng trại đảm bảo đúng theo quy định trước khi cấp con giống.

**3. Hỗ trợ cán bộ theo dõi, hướng dẫn thực hiện dự án:** Định mức chi tại điểm a, khoản 3, điều 12, Thông tư 55/2023/TT-BTC.

**4. Chi phí xây dựng và quản lý dự án:** Nội dung và định mức chi thực hiện theo khoản 13, điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC.

**IV. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ trong cộng đồng.**

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

- Tỷ lệ % quay vòng vốn: Là 5%/tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức kinh phí thu hồi theo Dự án: 23.000.000 đồng/8 hộ (số tiền thu hồi để quay vòng, sẽ được chuẩn xác sau khi kết thúc thực hiện các hoạt động chi của dự án), cụ thể số tiền của từng hộ được thể hiện trong danh sách kèm theo.

- Thời gian thu hồi (nộp tiền quay vòng): Sau khi kết thúc dự án 01 tháng.

- Cách thức quản lý tiền luân chuyển: UBND xã mở tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước để sử dụng quay vòng theo quy định, nhóm trưởng có trách nhiệm thu và nộp vào tài khoản tiền gửi của UBND xã. Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

- Trình tự luân chuyển, quay vòng: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

**V. Dự kiến hiệu quả kinh tế, kết quả đầu ra và tác động của dự án.**

**1. Hiệu quả kinh tế:** Sau 24 tháng thực hiện dự án, mỗi con bò mẹ sẽ sinh ra 01 con nghé và mang thai lứa thứ 2 hoặc có con đẻ lứa 2. Như vậy mỗi hộ nhận hỗ trợ ban đầu 3 con bò, sau 24 tháng nuôi có ít nhất từ 6 con bò góp phần tăng tổng đàn bò trên địa bàn huyện và tăng thu nhập cho hộ gia đình, giúp các hộ thoát nghèo một cách bền vững.

**2. Dự kiến kết quả đầu ra của sản phẩm trong dự án:** Sản phẩm đầu ra của dự án là bê nội hoặc bê lai hướng sinh sản và bê thịt sẽ bán trực tiếp cho thương lái trong và ngoài huyện.

## **VI. Trách nhiệm của nhóm cộng đồng tham gia dự án.**

### **1. Đối với nhóm trưởng, cộng đồng dân cư thực hiện dự án:**

- Cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án khi được phê duyệt đảm bảo tiến độ và hiệu quả, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện.

- Có trách nhiệm thu hồi tiền quay vòng của hộ tham gia dự án, quản lý tổ chức thực hiện việc quay vòng, để tiếp tục luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý thì báo cáo UBND xã biết để cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý.

- Chịu trách nhiệm về đối tượng, nội dung đối ứng của hộ tham gia dự án.

### **2. Đối với hộ gia đình tham gia dự án.**

- Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án, trong đó cam kết nộp số tiền quay vòng theo dự án đã được phê duyệt để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác.

- Xây dựng chuồng trại trước khi nhận giống, đảm bảo diện tích cỏ trồng tối thiểu là 500 m<sup>2</sup> và chăm sóc nuôi dưỡng con giống theo hướng dẫn kỹ thuật.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

**1. Giao công chức Tài chính – Kế toán phối hợp với công chức Văn phòng – Thống kê, Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng & Môi trường xã tham mưu Chủ tịch UBND xã ký hợp đồng với người đại diện cộng đồng để triển khai thực hiện Dự án có hiệu quả; tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định của Luật đấu thầu; quản lý số tiền quay vòng của cộng đồng dân cư theo quy định và mở sổ theo dõi theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển, thực hiện công khai tài chính đối với việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.**

**2. Giao công chức Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng & Môi trường: Tổ chức kiểm tra chuồng trại, diện tích trồng cỏ của các hộ dân tham gia dự án trước khi cấp con giống.**

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các công chức Văn phòng – Thống kê, Tài chính – Kế toán, Địa chính NN-XD&MT, các ban, ngành có liên quan và nhóm cộng đồng thôn Trà Bao, xã Sơn Trà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Tổ thẩm định huyện;
- Phòng LĐTĐ&XH huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Mặt trận TQVN xã;
- Các Hội đoàn thể xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Như điều 4;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Bài**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI NỘI SINH SẢN CỦA NHÓM CỘNG ĐỒNG  
THÔN TRÀ BẠO, XÃ SƠN TRÀ**

*(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã Sơn Trà)*

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn			Kinh phí quay vòng 5%
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Đối ứng của người dân	
I	Hỗ trợ chi tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu		1		2.800.000	2.434.000	366.000		
II	Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu...				478.215.000	381.060.000	57.155.000	40.000.000	
1	Hỗ trợ bò giống				422.815.000	367.670.000	55.145.000		
1.1	Bò cái vàng giống địa phương; (Trọng lượng $\geq 165\text{kg}/\text{con} * 103.000$ đồng/kg)	Con	23	16.995.000	390.885.000				
1.2	Bò đực giống (Trọng lượng $\geq 310\text{kg}/\text{con} * 103.000$ đồng)	Con	1	31.930.000	31.930.000				
2	Hỗ trợ cỏ giống VA06 (350kg/hộ*8 hộ)	Kg	2.800	5.500	15.400.000	13.390.000	2.010.000		
3	Xây dựng chuồng trại chăn nuôi (diện tích tối thiểu 5m <sup>2</sup> /con)	Hộ	8	5.000.000	40.000.000			40.000.000	
III	Chi phí hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án	Ngày	30	100.000	3.000.000	2.606.000	394.000		
IV	Chi phí Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất	Đồng			15.985.000	13.900.000	2.085.000		
					500.000.000	400.000.000	60.000.000	40.000.000	23.000.000

8

<i>Tổng kinh phí thực hiện dự án:</i>	<i>500.000.000</i>	<i>đồng</i>		
<i>Ngân sách hỗ trợ:</i>	<i>460.000.000</i>	<i>đồng</i>	<i>Tỷ lệ:%</i>	<i>92,00</i>
<i>Hộ tham gia dự án đối ứng:</i>	<i>40.000.000</i>	<i>đồng</i>	<i>Tỷ lệ:%</i>	<i>8,00</i>



## Phụ lục 02

**DANH SÁCH NHÓM CỘNG ĐỒNG THÔN TRÀ BAO, XÃ SƠN TRÀ THAM GIA  
DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI NỘI SINH SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã Sơn Trà)*

TT	Họ tên người đại diện gia đình tham gia dự án	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện	Mã hộ nghèo, cận nghèo	Số lượng và nội dung hỗ trợ					Kinh phí nộp quay vòng/hộ	
					Bò cái giống (con)	Bò đực giống	Thành tiền	Cổ (kg)	Thành tiền		Tổng cộng
1	Hò Văn Nghĩa	Tổ 3, Trà Bao	Cận nghèo	143	2		33.990.000	350	1.925.000	67.845.000	3.528.408
						1	31.930.000				
2	Hò Văn Luyến	Tổ 3, Trà Bao	Cận nghèo	148	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
3	Hò Văn Lý	Tổ 1, Trà Bao	Cận nghèo	264	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
4	Hò Văn Nhất	Tổ 1, Trà Bao	Hộ nghèo	121	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
5	Hò Văn Tâm	Tổ 2, Trà Bao	Hộ nghèo	298	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
6	Hò Thị Hiền	Tổ 2, Trà Bao	Hộ nghèo	140	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
7	Hò Thị Mai	Tổ 2, Trà Bao	MTN 2023		3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
8	Hò Văn Ngọc	Tổ 2, Trà Bao	Cận nghèo	131	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
<b>Tổng cộng</b>					<b>23</b>	<b>1</b>	<b>422.815.000</b>	<b>2.800</b>	<b>15.400.000</b>	<b>438.215.000</b>	<b>23.000.000</b>

\* Số tiền thu hồi để quay vòng sẽ được chuẩn xác sau khi kết thúc thực hiện các hoạt động chi của dự án